

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/DS-ST

Ngày 23 - 9 - 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay
mượn tài sản và đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hoàng Thám

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay mượn tài sản và đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn BN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Hoàng M, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã NP, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Tài chính A.

Địa chỉ: Tầng A, số A, Phường LT, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Phương T – Nhân viên thu hồi nợ pháp lý của Công ty và ông Trịnh Nghĩa H - Giám sát phát triển kinh doanh của Công ty là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 46/2020/UQ-A-TTTHN ngày 29/7/2020), (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 06/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Huỳnh Hoàng M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến khoảng cuối tháng 10 năm 2019 thì giữa bà và ông M

không còn chung sống với nhau cho đến nay. Trong thời gian bà và ông M chung sống thì hai người làm ăn riêng, số tiền và tài sản mà hai người mua bán và kinh doanh có được sử dụng riêng không có nhập vào tài sản chung, phần tài sản của ai người đó giữ. Trong quá trình chung sống, bà có cho ông M mượn các tài sản sau đây:

Năm 2017, bà có cho ông M mượn 6.000.000 đồng, khi mượn không có làm biên nhận, số tiền này của riêng bà do buôn bán mà có, bà không rõ ông M mượn số tiền này để làm gì, hiện ông M chưa trả cho bà số tiền này.

Năm 2017, bà có cho ông M mượn tám lăc khoảng 02 chỉ vàng 18k để cầm tại tiệm vàng Lưu H (tại khóm A, thị trấn U Minh) với số tiền 3.000.000 đồng. Khi mượn tám lăc không có làm biên nhận, tám lăc này của riêng bà do bà mua tám lăc trước khi chung sống với ông M, bà không rõ ông M sử dụng số tiền cầm tám lăc vào việc gì. Ông M cầm tám lăc khoảng 02 tháng không có tiền chuộc nên bà xuất ra 3.000.000 đồng chuộc tám lăc (có tính lãi), hiện ông M chưa trả cho bà số tiền này.

Năm 2018, bà có cho ông M mượn 03 chỉ vàng 24k, khi mượn không có làm biên nhận, số vàng này của riêng bà do mẹ của bà là bà Phan Thị Kim Y cho riêng bà vào năm 2018, bà không rõ ông M mượn số vàng này để làm gì, hiện ông M chưa trả cho bà số vàng này.

Ngày 06/10/2019, bà có cho ông M mượn sợi dây chuyền và tám lăc tổng cộng 5,9 chỉ vàng 18k để cầm tại tiệm vàng Lưu H (tại khóm A, thị trấn U Minh) với số tiền 11.000.000 đồng. Khi mượn vàng không có làm biên nhận, số vàng này của riêng bà do bà mua số vàng này trước khi chung sống với ông M, bà không rõ ông M sử dụng số tiền cầm vàng vào việc gì. Ông M cầm vàng khoảng 04 tháng không có tiền chuộc nên bà xuất ra 11.000.000 đồng chuộc lại số vàng đã cầm (có tính lãi), hiện ông M chưa trả cho bà số tiền này.

Khoảng tháng 5 năm 2019, bà có mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại AIR BLADE biển số 95H1-A với giá 43.000.000 đồng, giấy tờ đăng ký xe do bà đứng tên. Số tiền mua xe ban đầu do bà xuất ra trả 8.600.000 đồng, số tiền này của mẹ bà là bà Phan Thị Kim Y cho riêng bà trước khi mua xe, số tiền còn lại bà trả góp mỗi tháng 3.594.000 đồng, tính đến thời điểm này bà đã trả góp được 4 tháng với tổng số tiền 14.376.000 đồng, số tiền trả góp của riêng bà. Lúc bà và ông M không còn chung sống thì ông M giữ chiếc xe này sử dụng.

Bà yêu cầu ông M trả lại cho bà số tài sản đã mượn và số tiền xuất ra chuộc vàng là 03 chỉ vàng 24k, số tiền tổng cộng 20.000.000 đồng và chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại AIR BLADE biển số 95H1-A.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và ý kiến như trình bày, không có ý kiến gì khác.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/6/2020, ông Huỳnh Hoàng M trình bày:*

Ông và bà Trần Thị Ngọc H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến khoảng cuối tháng 10 năm 2019 thì giữa ông và bà H không còn chung sống với nhau. Trong thời gian ông và bà H chung sống thì hai người làm ăn chung. Trong quá trình chung sống, ông có mượn của bà H các tài sản sau đây:

Năm 2017, ông có mượn của bà H số tiền 6.000.000 đồng để chi xài trong gia đình, hiện ông chưa trả cho bà H số tiền này.

Năm 2017, ông có mượn của bà H tám lăc khoảng 02 chỉ vàng 18k để cầm tại tiệm vàng Lưu H (tại khóm A, thị trấn U Minh) với số tiền 2.000.000 đồng, số tiền này ông sử dụng chi xài trong gia đình. Sau đó, bà H xuất tiền ra chuộc tám lăc cả vốn và lãi là 3.000.000 đồng, hiện ông chưa trả cho bà H số tiền này.

Ngày 06/10/2019, ông có mượn của bà H sợi dây chuyền và tám lăc 5,9 chỉ vàng 18k để cầm tại tiệm vàng Lưu H (tại khóm A, thị trấn U Minh) với số tiền 11.000.000 đồng, số tiền này ông sử dụng chi xài trong gia đình. Sau đó, bà H xuất tiền ra chuộc sợi dây chuyền và tám lăc với số tiền 11.000.000 đồng, hiện ông chưa trả cho bà H số tiền này.

Khoảng tháng 5 năm 2019, bà H đứng tên có mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại AIR BLADE biển số 95H1-A với giá 43.000.000 đồng, giấy tờ đăng ký xe do bà H đứng tên. Số tiền mua xe ban đầu đã trả 8.600.000 đồng, số tiền này của chung giữa ông và bà H, số tiền mua xe còn lại trả góp mỗi tháng 3.594.000 đồng, tính đến nay ông và bà H đã trả góp được 4 tháng. Sau khi ông và bà H không còn chung sống thì ông giữ sử dụng chiếc xe này.

Ông thống nhất trả cho bà H số tiền đã mượn và số tiền xuất ra chuộc vàng tổng cộng 20.000.000 đồng. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại AIR BLADE biển số 95H1-A, ông đồng ý đưa lại cho bà H sử dụng xe, nhưng bà H phải hoàn lại cho ông $\frac{1}{2}$ số tiền đã trả khi mua xe là 11.488.000 đồng. Đối với 03 chỉ vàng 24k, ông không có mượn của bà H số vàng này nên ông không đồng ý trả cho bà H.

- *Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 31/7/2020, đại diện Công ty Tài chính A trình bày:*

Ngày 28/5/2019, Công ty Tài chính A có ký hợp đồng cho vay mua hàng trả góp với bà Trần Thị Ngọc H, theo đó A cho bà H vay số tiền 34.400.000 đồng để mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại AIR BLADE biển số 95H1-A, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay trong hạn 3,58%/tháng. Tính đến hết ngày 22/7/2020, bà H đã thanh toán cho A được 4 kỳ với tổng số tiền 14.376.000 đồng, bà H còn phải thanh toán cho A số tiền vay là 35.726.000 đồng.

A yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả số nợ vay còn nợ với số tiền 35.726.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đúng với quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần khởi kiện của bà H; buộc ông M trả lại cho bà H số tiền tổng cộng 20.000.000 đồng và chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại AIR BLADE biển số 95H1-A; không chấp nhận khởi kiện của bà H yêu cầu ông M trả 03 chỉ vàng 24k; về án phí buộc ông M và bà H chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập các đương sự xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Huỳnh Hoàng M và đại diện Công ty Tài chính A là bà Nguyễn Thị Phương T, ông Trịnh Nghĩa H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người tham gia tố tụng đã nêu.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà H khởi kiện yêu cầu ông M trả lại tài sản vay mượn và tài sản chiếm hữu sử dụng. Căn cứ nội dung khởi kiện có cơ sở xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay mượn và đòi lại tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

[3] Về khoản tiền bà H yêu cầu ông M trả lại số tiền vay mượn tổng cộng 20.000.000 đồng. Tại biên bản làm việc ngày 14/11/2019, biên bản hòa giải ngày 05/12/2019 và biên bản ghi lời khai ngày 02/6/2020, ông M đều thừa nhận có thiếu bà H số tiền 20.000.000 đồng (trong đó tiền mượn 6.000.000 đồng, tiền xuất ra chuộc vàng hai lần tổng cộng 14.000.000 đồng) và đồng ý trả lại cho bà H số tiền đã thiếu. Từ những chứng cứ đã nêu, có cơ sở xác định ông M có vay mượn và còn thiếu của bà H số tiền 20.000.000 đồng nên buộc ông M có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền này là phù hợp.

[4] Về số vàng mượn bà H yêu cầu ông M trả lại 03 chỉ vàng 24k. Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/6/2020, ông M cho rằng không có mượn của bà H số vàng này. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 14/11/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn U Minh, ông M thừa nhận có mượn và còn nợ của bà H 03 chỉ vàng 24k. Từ chứng cứ đã nêu, có cơ sở xác định ông M có mượn và còn nợ của bà H số vàng mượn 03 chỉ vàng 24k nên buộc ông M có nghĩa vụ trả lại cho bà H số vàng mượn là phù hợp.

[5] Về yêu cầu của bà H đối với ông M trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại AIR BLADE biển số 95H1-A. Theo giấy tờ và trình bày của các bên thể hiện bà H mua chiếc xe này vào tháng 5 năm 2019 với giá 43.000.000 đồng, bà H đứng ra trả trước 8.600.000 đồng, số tiền còn lại bà H vay trả góp của Công ty Tài chính A số tiền 34.400.000 đồng để trả khi mua xe, hiện bà H trả góp được 04 kỳ với tổng số tiền 14.376.000 đồng, giấy chứng nhận đăng ký xe do bà H đứng tên. Ông M cho rằng số tiền mua xe trả trước 8.600.000 đồng và trả góp được 04 kỳ với tổng số tiền 14.376.000 đồng là tiền chung của ông và bà H xuất ra nên chiếc xe là tài sản chung hai người, ông đồng ý đưa lại xe cho bà H sử dụng nhưng bà H phải hoàn lại cho ông $\frac{1}{2}$ số tiền đã trả là 11.488.000 đồng. Theo các giấy tờ mua xe, đăng ký xe, hợp đồng vay tiền trả góp mua xe và số tiền đã trả khi mua xe đều do bà H đứng tên và đứng ra trả. Đối với ông M ngoài lời trình bày ra ông không có giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh số tiền dùng mua xe do ông và bà H cùng trả nên yêu cầu của ông M về việc bà H hoàn lại tiền mua xe là không có cơ sở chấp nhận. Từ những chứng cứ đã nêu, có cơ sở xác định chiếc xe này thuộc quyền sở hữu của bà H, không phải là tài sản chung của hai người, do đó buộc ông M có nghĩa vụ trả lại cho bà H chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại AIR BLADE biển số 95H1-A là phù hợp.

[6] Đối với số tiền bà H vay trả góp để mua xe của Công ty Tài chính A vào ngày 28/5/2019 với số tiền 34.400.000 đồng, bà H đã thanh toán được 4 kỳ với tổng số tiền 14.376.000 đồng, bà H còn nợ số tiền vay 35.726.000 đồng. Hợp đồng vay tiền giữa hai bên với hình thức tín chấp, chiếc xe AIR BLADE biển số 95H1-A không dùng làm tài sản thế chấp để đảm bảo số tiền vay, do đó hợp đồng vay tiền giữa hai bên không có liên quan đến vụ án này nên không xét. Sau này bà H không trả nợ thì Công ty Tài chính A có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Do khởi kiện của bà H được chấp nhận nên ông M phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch 5% đối với tài sản phải trả với số tiền án phí là 3.927.000 đồng (giá vàng tính tại thời điểm ngày 23/9/2020 là 5.181.900 đồng/01 chỉ vàng 24k). Bà H không phải chịu án phí, ngày 06/02/2020, bà H nộp tạm ứng án phí số tiền 1.925.000 đồng theo biên lai thu số 0004823 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 164, 166, 168, 357, 463, 466, 468, 494, 496 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H yêu cầu ông Huỳnh Hoàng M trả lại tài sản vay mượn và tài sản chiếm hữu sử dụng.

Buộc ông Huỳnh Hoàng M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Ngọc H số tiền vay mượn tổng cộng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và số vàng mượn 03 (Ba) chỉ vàng 24k.

Buộc ông Huỳnh Hoàng M giao trả lại cho bà Trần Thị Ngọc H chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại AIR BLADE biển số 95H1-A.

Kể từ khi bản án có hiệu lực, bà Trần Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Huỳnh Hoàng M chậm thực hiện thanh toán tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự có giá ngạch ông Huỳnh Hoàng M phải chịu 3.927.000 đồng (Ba triệu chín trăm hai mươi bảy ngàn đồng). Ngày 06/02/2020, bà Trần Thị Ngọc H nộp tạm ứng án phí số tiền 1.925.000 đồng (Một triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004823 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Trần Thị Ngọc H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Hoàng M và đại diện Công ty Tài chính A vắng mặt có quyền

làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- CCTHADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHUM.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Việt